

Bản án số: 688/2025/DS-PT

Ngày: 20/6/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Bà Lê Thị Ngọc Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 473/DSPT ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2701/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8011 ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: 36/2, tổ 2, Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 2, Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt) (theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 002235, quyền số: 06/2025 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 02/6/2025 tại Văn phòng công chứng H, 123 N, phường M, thành phố L, tỉnh A)

2. Bị đơn: Ngân hàng TMCP X;

Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Phan Đình T và Phan Tiến D, cùng địa chỉ: 168 Phan Văn Trị, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 121971.23 ngày 16/8/2023); (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1955; Địa chỉ: 36/2, tổ 2, Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông S: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 2, Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông Lương Phi S - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Ngọc T trình bày:***

Khoảng tháng 6/2022, ông Phan Ngọc T có nhu cầu vay tiền nên đã liên hệ với Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây gọi tắt là X) chi nhánh Gò Vấp để nộp hồ sơ vay 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng. Khi lên Văn phòng công chứng để công chứng hồ sơ vay thì phòng công chứng từ chối công chứng với lý do là Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của ông T không hợp lệ do ông T đã kết hôn và yêu cầu vợ của ông T phải lên Phòng Công chứng ký tên vào hồ sơ công chứng. Anh Thương - nhân viên tín dụng của X, kiểm tra và nói vợ ông T bị nợ xấu không vay được nên vợ của ông T cũng không lên phòng Công chứng để ký tên vào hồ sơ vay. Do thời gian làm hồ sơ vay quá lâu trong khi gia đình đang cần tiền gấp và bị Văn phòng công chứng từ chối nên ông T đã yêu cầu anh Thương hủy hồ sơ vay, không vay nữa. Sau đó ông T đã chuyển nhượng miếng đất định thế chấp vay tiền cho X để có tiền trang trải công việc. Tuy nhiên cuối tháng 9/2022 anh Thương, anh Dũng của X liên hệ với gia đình ông T nói ông T đang có khoản nợ quá hạn tại X. Hai anh này liên tục khủng bố, hăm dọa và đến tận nhà ông T và nhà cha mẹ vợ của ông T để đòi nợ, la hét nói gia đình ông nợ Ngân hàng không chịu trả làm cho gia đình ông mang tai tiếng với hàng xóm, bạn bè, đối tác làm ăn. X đã nhiều lần trích nợ tự động trong tài khoản của ông mở tại X với tổng số tiền là 85.149.103 đồng. Cụ thể các lần trích nợ như sau:

- Ngày 30/7/2022 trích nợ: 39.000 đồng;
- Ngày 01/8/2022 trích nợ: 39.989.000 đồng;
- Ngày 08/9/2022 trích nợ: 40.399.719 đồng;
- Ngày 30/9/2022 trích nợ: 267.281 đồng;
- Ngày 07/10/2022 trích nợ: 4.493.103 đồng.

Trường hợp của ông T là vay theo hợp đồng ba bên, vay để mua nhà đất và thế chấp tài sản đảm bảo là nhà đất, nhưng tại sao không có chữ ký của cả 2 vợ chồng mà vẫn vay vốn được trong khi ông T đã yêu cầu hủy hồ sơ vay và vợ ông T cũng không ký tên vào hợp đồng vay.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận giá trị pháp lý của 1/Hợp đồng tín dụng số 258556922 ngày 14/6/2022; 2/Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022; 3/Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2585569(1).22 ngày 30/6/2022 do X nộp cho Tòa án vì ba văn bản này ông T chỉ ký tên ở tranh cuối không ký nháy ở những trang đầu của văn bản.

Nay ông T khởi kiện X yêu cầu:

- Trả lại cho ông T số tiền 85.149.103 đồng mà X đã trừ trong tài khoản của ông. Và bị đơn phải trả lãi cho khoản tiền này theo mức lãi suất là 1%/tháng (1 tháng tương đương 30 ngày), ngày tính lãi bắt đầu từ ngày X trừ tiền trong tài khoản của ông đến ngày 09/10/2022, cụ thể tiền lãi như sau:

- Khoản trích nợ ngày 30/7/2022: tiền gốc: 39.000 đồng, tiền lãi là: 2.522 đồng;

- Khoản trích nợ ngày 01/08/2022: tiền gốc: 39.989.000 đồng, tiền lãi là: 2.159.406 đồng;

- Khoản trích nợ ngày 08/9/2022: tiền gốc là 40.399.719 đồng, tiền lãi là: 1.656.388 đồng;

- Khoản trích nợ ngày 30/9/2022: tiền gốc là 267.281 đồng, tiền lãi là: 8.998 đồng;

- Khoản trích nợ ngày 07/10/2022: tiền gốc là 4.493.103 đồng, tiền lãi là: 140.784 đồng.

Tổng tiền lãi là: 3.968.099 đồng.

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần cho nguyên đơn là 50.000.000 đồng;

- Bồi thường chi phí nguyên đơn thuê đại diện ủy quyền để khởi kiện và tham gia khởi kiện là 50.000.000 đồng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Đình T, ông Phan Tiến D- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam trình bày:**

Giữa ông Phan Ngọc T và Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam (sau đây gọi tắt là X) có ký 03 hợp đồng sau: 1/Hợp đồng tín dụng số 258556922 ngày 14/6/2022; 2/Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022; 3/Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2585569(1).22 ngày 30/6/2022 ông T đã ký tên vào trang cuối của 03 giấy tờ nói trên. Theo quy định của Ngân hàng thì không nhất thiết ký vào từng trang, nhưng ông T đã được đọc toàn bộ nội dung của 03 văn bản nói trên và đồng ý ký tên.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay của ông T vào số tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn của ông Đỗ Văn S theo thỏa thuận tại Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022 giữa ba bên. Do Hợp đồng tín dụng và các biên bản nói trên có hiệu lực kể từ thời điểm ký hợp đồng nên Ngân hàng tính lãi trên khoản tiền vay 3 tỷ đồng của ông T.

Kể từ ngày giải ngân 30/6/2022 cho đến trước khi khoản vay của ông T được tất toán, X đã tiến hành trích tiền từ tài khoản thanh toán của ông T mở tại X để thu nợ định kỳ theo thỏa thuận và quy định pháp luật, cụ thể như sau:

Tổng số tiền trích từ tài khoản thanh toán số 333251134 của ông T mở tại X để thu nợ gốc, nợ lãi là 85.188.103 đồng: Cụ thể:

- Ngày 30/7/2022, khoản vay đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên (nợ gốc: 8.350.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 31.315.068 đồng), tài khoản 333251134 có số dư khả dụng 39.000 đồng, X thu nợ lãi trong hạn 39.000 đồng.

- Từ ngày 31/7/2022, khoản vay quá hạn nợ gốc 8.350.000 đồng và nợ lãi 31.276.068 đồng. Ngày 01/08/2022, tài khoản 333251134 có số dư khả dụng 39.651.922 đồng, X thu số tiền 39.651.922 đồng (nợ gốc quá hạn: 8.350.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.276.068 đồng, phạt quá hạn (nợ lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả): 25.854 đồng.

- Ngày 30/8/2022, khoản vay đến hạn trả nợ kỳ thứ 2 (nợ gốc: 8.350.000 đồng, nợ lãi: 32.268.839 đồng), tài khoản 333251134 có số dư khả dụng 337.078 đồng, X thu nợ lãi trong hạn 337.078 đồng.

Từ ngày 31/8/2022, khoản vay quá hạn nợ gốc 8.350.000 đồng và nợ lãi 31.931.761 đồng. Ngày 08/09/2022, tài khoản 333251134 có số dư khả dụng 40.399.719 đồng, X thu số tiền 40.399.719 đồng (nợ gốc quá hạn: 8.350.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.931.761 đồng, phạt quá hạn (nợ lãi trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả): 117.958 đồng.

Ngày 30/9/2022, khoản vay đến hạn trả nợ kỳ thứ 3 (nợ gốc: 8.350.000 đồng, nợ lãi: 32.178.772 đồng), tài khoản 333251134 có số dư khả dụng 267.281 đồng, X thu nợ lãi trong hạn 267.281 đồng.

Từ ngày 01/10/2022, khoản vay quá hạn nợ gốc 8.350.000 đồng và nợ lãi 31.911.491 đồng. Ngày 07/10/2022, tài khoản 333251134 có số dư khả dụng 4.493.103 đồng, X thu nợ gốc 4.493.103 đồng.

Việc thu nợ như trên của X hoàn toàn tuân thủ quy định của pháp luật và thỏa thuận đã ký giữa các bên là hợp đồng tín dụng số 2585569.22 ngày 14/06/2022; Biên bản 3 bên số 1408289.22 ngày 29/06/2022, cụ thể: Điều 6.1 a Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/08/2014 hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản

thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có sửa đổi, bổ sung quy định: Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được chủ động trích (ghi nợ) tài khoản thanh toán của khách hàng để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi và các chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận trước bằng văn bản với khách hàng phù hợp quy định của pháp luật. Điều 2.8 Khế ước nhận nợ số 2585569(1).22 ngày 30/06/2022 quy định: Bên được cấp tín dụng trả nợ gốc vào ngày 30 hàng tháng, mỗi tháng trả 8.350.000 đồng, tháng cuối cùng trả hết số tiền còn lại; bên được cấp tín dụng trả nợ lãi vào ngày 30 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên 30/07/2022. Điều 1.4.6 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng quy định: (1) Bất kỳ khoản tiền dư nợ gốc nào đến hạn phải thanh toán mà Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán cho X sẽ là nợ quá hạn và sẽ chịu mức lãi suất bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (không tính theo lãi suất ưu đãi), và được tính từ ngày khoản tiền dư nợ gốc đó đến hạn phải thanh toán cho đến ngày Bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ khoản tiền dư nợ gốc đó cho X.

(ii) Bất kỳ khoản tiền lãi nào đến hạn phải thanh toán mà Bên được cấp tín dụng chưa thanh toán cho X sẽ chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên khoản tiền lãi chậm trả từ ngày khoản tiền lãi đó đến hạn phải thanh toán cho đến ngày Bên được cấp tín dụng thanh toán đầy đủ khoản tiền lãi đó cho X. Điều 1.4.7 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng quy định: Đối với khoản nợ trong hạn, X thu hồi nợ theo thứ tự phí, lãi và gốc hoặc theo thứ tự khác theo quyết định X: Đối với khoản nợ bị quá hạn, X thu hồi theo thứ tự gốc, phí và lãi. Điều 1.4.1 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng quy định: Trường hợp các khoản thanh toán nợ gốc, tiền lãi hoặc phí, tiền phạt và các khoản phải trả khác chưa được thanh toán thì các khoản thanh toán này sẽ được tự động khấu trừ vào tài khoản thanh toán/tài khoản tiền gửi của bên được cấp tín dụng mở tại X vào ngày đến hạn thanh toán.

Vào khoảng cuối tháng 8 năm 2022 ông Phan Ngọc T, đại diện Ngân hàng và ông Đỗ Văn S đã ra Phòng công chứng Trần Thanh Vũ tỉnh Bình Dương để công chứng hợp đồng thế chấp theo thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên quá trình công chứng không thực hiện được do bên vay là ông T cung cấp tài liệu không hợp pháp, phòng công chứng từ chối công chứng hợp đồng thế chấp. Mặt khác, khách hàng đã vi phạm điều khoản trong biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022. Vì vậy, ngân hàng đã tắt toán khoản vay của ông T ở ngân hàng. Thu hồi khoản tiền 3 tỷ đồng và tiền lãi trong số tiết kiệm của ông Đỗ Văn S. Ngân hàng thu tiền lãi trên khoản vay 3 tỷ đồng của ông T là đúng quy định của pháp luật, nên Ngân hàng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn.

Ý kiến của X về yêu cầu khởi kiện của ông T về việc Buộc bị đơn trả lại số tiền 85.149.103 đồng đã trừ trong tài khoản của Nguyên đơn và trả lãi cho khoản tiền này là 3.968.099 đồng. Như phân tích ở trên, X thực hiện trích nợ đúng số tiền ông T có nghĩa vụ thanh toán cho X, đúng phương thức đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, việc ông T yêu cầu X phải trả lại số tiền 85.149.103 đồng đã trích từ tài khoản thanh toán của ông T và lãi phát sinh là 3.969.099 đồng là không có cơ sở.

Bị đơn không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện sau của nguyên đơn: Bồi thường thiệt hại về tinh thần cho nguyên đơn là 50.000.000 đồng và bồi thường chi phí thuê đại diện ủy quyền để khởi kiện và tham gia khởi kiện là 50.000.000 đồng vì không có cơ sở.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn S trình bày:***

Khoảng tháng 6/2022 ông có đồng ý bán thửa đất số 132, 141, 158 tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ phường Tân phước Khánh, huyện T, tỉnh Bình Dương cho ông Phan Ngọc T. Do ông T không có đủ tiền nên đề nghị ông hỗ trợ ký các giấy tờ có liên quan để ông T vay X trả cho ông. Sau đó một thời gian ông T nói bên Ngân hàng không cho vay. Số tiền mua nhà, đất còn nợ ông thì ông T sẽ bán căn nhà đó trả cho ông. Sau đó ông T đã bán thửa đất trên để trả nợ cho ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 17/04/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là ông Phan Ngọc T yêu cầu:

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam trả lại số tiền 85.149.103 đồng đã trừ trong tài khoản của ông Phan Ngọc T và trả lãi trên số tiền đã trừ vào tài khoản của ông Phan Ngọc T là 3.968.099 đồng;

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần cho ông Phan Ngọc T là 50.000.000 đồng;

- Bồi thường chi phí ông Phan Ngọc T thuê đại diện ủy quyền để khởi kiện và tham gia khởi kiện là 50.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.955.860 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Ngọc T đã nộp là 3.477.930 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018371 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Ngọc T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.477.930 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Sau khi Bản án sơ thẩm đã tuyên, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện buộc ngân hàng phải trả số tiền như yêu cầu khởi kiện.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn ông Phan Ngọc T và người đại diện yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có người đại diện theo ủy quyền không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về thủ tục tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đảm bảo đúng về thời hạn, đúng thủ tục kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án và tư cách tham gia tố tụng của đương sự được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quy định.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa, đương sự vắng mặt được tổng đạt hợp lệ theo quy định. Nên được xét xử theo Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo: Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của đương sự, đối chiếu với toàn bộ chứng cứ, lời trình bày và đối chất tại phiên tòa. Xét thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo cho rằng, việc bị đơn là ngân hàng tự ý trừ đi phần tiền vốn, lãi trong tài khoản của ông T khi không có thỏa thuận là sai. Hơn nữa, các thủ tục vay nợ và thế chấp đảm bảo số tiền vay của hợp đồng tín dụng là do bên nhân viên ngân hàng thực hiện, nguyên đơn không có nhận số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) vào tài khoản, nên việc không vay được là lỗi của phía nhân viên ngân hàng, ông T không đồng ý cho ngân hàng trừ vào tài khoản của ông để trừ nợ. Ông T yêu cầu ngân hàng phải trả lại các số tiền mà ngân hàng đã cân trừ, đồng thời phải bồi thường tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng và chi phí việc kiện 50.000.000 đồng.

[2.2] Bị đơn có người đại diện của ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn mà cho rằng, toàn bộ các hợp đồng đều lập đúng theo ý chí của các bên gồm: 1/ Hợp đồng tín dụng số 258556922 ngày 14/6/2022; 2/ Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022; 3/ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2585569(1).22 ngày 30/6/2022 ông T đã ký tên vào các giấy tờ nói trên, ông T đã được đọc toàn bộ nội dung và đồng ý ký tên. Đây là sự tự nguyện giao dịch của các đương sự. Tuy nhiên, do bên ông T không đảm bảo các thủ tục về hợp đồng thế chấp để đảm bảo số tiền vay nên ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng tín dụng. Còn về khoản tiền trừ vào tài khoản của ông T là sự thỏa thuận, kể từ ngày giải ngân 30/6/2022 cho đến trước khi khoản vay của ông T được tất toán, X đã tiến hành trích tiền từ tài khoản thanh toán của ông T mở tại X để thu nợ định kỳ là theo thỏa thuận của các bên và thỏa thuận này là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, X không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Xét thấy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời thừa nhận của hai bên đương sự, giữa ông Phan Ngọc T và Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam (sau đây gọi tắt là X) có ký 03 hợp đồng sau: 1/ Hợp đồng tín dụng số 258556922 ngày 14/6/2022; 2/ Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022; 3/ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2585569(1).22 ngày 30/6/2022. Ông T thừa nhận đã ký tên vào các giấy tờ nói trên. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay của ông T vào số tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn của ông Đỗ Văn S theo thỏa thuận tại Biên bản thỏa thuận thanh toán tiền mua bất động sản ngày 29/6/2022 giữa ba bên. Như vậy, ông T cho rằng số tiền ông không nhận được vào tài khoản của ông là không đúng, bởi vì theo thỏa thuận là Ngân hàng giải ngân số tiền vay của ông T vào số tiết kiệm tiền gửi có kỳ hạn của ông Đỗ Văn S và Hợp đồng tín dụng và các biên bản nói trên có hiệu lực kể từ thời điểm ký hợp đồng nên Ngân hàng tính lãi trên khoản tiền vay 3.000.000.000 đồng (ba tỷ) của ông T là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Kể từ

ngày giải ngân 30/6/2022 cho đến trước khi khoản vay của ông T được tắt toán, do ông T không thanh toán nên phía X đã tiến hành trích tiền từ tài khoản thanh toán của ông T mở tại X để thu nợ định kỳ theo thỏa thuận và đúng quy định pháp luật. Tổng số tiền trích từ tài khoản thanh toán số 333251134 của ông T mở tại X để thu nợ gốc và nợ lãi là 85.188.103 đồng là thực hiện đúng sự thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, do các thủ tục về thế chấp tài sản để đảm bảo cho số tiền vay không tiến hành được nên giao dịch về hợp đồng tín dụng phía ngân hàng không đồng ý tiếp tục thực hiện nữa. Bên X đã tắt toán khoản vay của ông T. Thu hồi khoản tiền 3.000.000.000 đồng và tiền lãi trong số tiết kiệm của ông Đỗ Văn S.

Bà Đỗ Thị T là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn S cùng ông T cũng thừa nhận thỏa thuận của các bên khi tiến hành thủ tục vay.

Như vậy, việc ngân hàng tắt toán các khoản vay thu hồi tiền vốn và lãi của khoản vay của ông T là đúng quy định của pháp luật, do thủ tục về thế chấp tài sản không thực hiện được là lỗi của bên vay (bên ông T) nên ngân hàng chấm dứt hợp đồng tín dụng là hoàn toàn đúng quy định pháp luật và sự thỏa thuận của các bên. Nên việc ông T khởi kiện không đồng ý trả các khoản tiền vốn, lãi mà ngân hàng đã trừ trong tài khoản của ông T là không có căn cứ chấp nhận.

Ông T còn kháng cáo đối với tiền bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng và chi phí đi khởi kiện là 50.000.000 đồng, nhưng ông T không có chứng cứ gì chứng minh, do đó không chấp nhận kháng cáo này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Ngọc T.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 17/04/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Ngọc T về yêu cầu:

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam trả lại số tiền 85.149.103 đồng đã trừ trong tài khoản của ông Phan Ngọc T và trả lãi trên số tiền đã trừ vào tài khoản của ông Phan Ngọc T là 3.968.099 đồng;

- Bồi thường thiệt hại về tinh thần cho ông Phan Ngọc T là 50.000.000 đồng;

- Bồi thường chi phí ông Phan Ngọc T thuê đại diện ủy quyền để khởi kiện và tham gia khởi kiện là 50.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.955.860 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phan Ngọc T đã nộp là 3.477.930 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018371 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phan Ngọc T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.477.930 đồng.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí số 0038399 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim

